

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC
LỚP MẪU GIÁO GHEP 3, 4, 5 TUỔI
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		CD thực hiện
			Riêng	Chung	
I. Giáo dục phát triển thể chất					
1	3	- Trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường theo lứa tuổi	- Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7kg - 21,2 kg; + Trẻ gái: 12,3kg – 21,5kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9 cm - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 cm – 111,3cm		1,4, 8
2	4		- Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1kg - 24,2kg; + Trẻ gái: 13,7kg – 24,9kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7cm – 119,2cm; + Trẻ gái: 99,9cm – 118,9cm		
3	5		- Cân nặng: + Bé trai: 19,5kg - 27,1kg; + Bé gái: 15,3kg – 27,8kg - Chiều cao: + Bé trai: 106,1cm - 125,8cm; + Bé gái: 104,9cm - 125,4cm		
1. Phát triển vận động					
a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp					
4	3	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo	- Tay: + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay	* Trẻ 3, 4, 5T: - Hô hấp: Hít	

		hướng dẫn	trước ngực. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Co duỗi chân.	vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.	1 ->9
5	4	- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Tay: + Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu) - Chân: + Nhún chân. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	* Trẻ 3,4,5 T: - Chân: Ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. -Lưng bụng lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải	
6	5	- Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Tay: + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay rang ngang, chân bước sang phải sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.	
b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động					
7	3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận	* Đi và chạy: - Đi kiễng gót		1,2,3,4, 5,6,8,9

		động: + Trẻ đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Trẻ đi kiễng gót liên tục 3m. + Trẻ bật xa 20-25cm	- Đi trong đường hẹp * Bật - nhảy - Bật tại chỗ. - Bật nhảy từ trên cao xuống 20 – 25 cm - Bật xa 20 - 25 cm - Bật về phía trước. - Nhảy lò cò theo cô - Bật qua vật cản 5 – 10 cm	* Trẻ 3, 4 tuổi Đi và chạy: - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn * Trẻ 3, 4, 5 tuổi - Đi khụy gối đi lùi - Đi nổi bàn chân tiến lùi - Đi trên ván kê dốc	
8	4	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Trẻ đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. + Trẻ bật xa 35-40cm	* Đi và chạy: - Đi bằng gót chân * Bật - nhảy - Bật liên tục về phía trước - Bật nhảy từ trên cao xuống 30 - 35 cm - Bật xa 35 – 40cm - Bật tách khếp chân qua 5 ô - Nhảy lò cò 4m - Bật qua vật cản 10 – 15 cm	Bật - nhảy - Nhảy từ độ cao xuống 40 cm * Trẻ 4, 5 tuổi Đi và chạy: - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	
9	5	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Trẻ biết đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,3m. + Trẻ không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	* Đi và chạy: - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi trên dây đặt trên sàn * Bật - nhảy - Bật liên tục vào vòng - Bật nhảy từ trên cao xuống 40 - 45 cm		

		+ Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây	- Bật tách khớp chân qua 7 ô - Bật qua vật cản 15 –20 cm		
10	5	- Trẻ có thể bật xa tối thiểu 50 cm (CS1)	- Bật xa 40 cm - 50cm		4
11	5	- Trẻ nhảy lò cò được 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu (CS9)	- Nhảy lò cò 5m		5
12	3	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc - Chạy 15m theo hướng thẳng - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	* Trẻ 4,5 T - Đi thay đổi tốc độ hướng đích dắc theo hiệu lệnh * Trẻ 3,4,5 Tuổi - Chạy thay đổi tốc độ hướng theo vật chuẩn	4,5,7
13	4	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Trẻ đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)...	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60 – 80m		
14	5	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). ... + Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây + Chạy và vượt qua chướng ngại vật	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 100 – 120m		

15	3	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: <i>Tung, ném, chuyền, đập bắt bóng</i> + Trẻ biết tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). + Trẻ biết tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	* Tung, ném, bắt - Chuyền bắt bóng hai bên theo hàng ngang. - Ném trúng đích thẳng đứng - Ném trúng đích nằm ngang xa 1,5m	* Trẻ 3, 4 T - Tung bắt bóng với người đối diện * Trẻ 3,4,5 T - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích bằng 2 tay * Trẻ 4,5 T	
16	4	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: <i>Tung, ném, chuyền, đập bắt bóng</i> + Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện + Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Trẻ biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	* Tung, ném, bắt - Ném trúng đích thẳng đứng 1,5m x 1,2m	- Chuyền bắt bóng qua đầu qua chân - Ném trúng đích nằm ngang xa 2m	1,2,3,4,5,6,8,9
17	5	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: <i>Tung, ném, chuyền, đập bắt bóng</i> + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). + Đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.	* Tung, ném, bắt - Đập bắt bóng tại chỗ. - Ném trúng đích thẳng đứng 2m x 1,5m		

18	3	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: <i>Bò, trườn, trèo.</i> + Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). + Trẻ biết bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	* Bò, trườn, trèo - Bò theo hướng thẳng. - Bước lên, xuống bậc cao 30cm. - Bò theo đường đích dắc qua 3 điểm - Bò chui qua cổng	* Trẻ 3, 4 tuổi - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. * Trẻ 3, 4, 5 tuổi - Bò qua các chướng ngại vật - Trườn theo hướng thẳng	
19	4	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: <i>Bò, trườn, trèo.</i> + Ném trúng đích ngang (xa 2 m). + Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	* Bò, trườn, trèo - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4m - Trèo lên xuống 5 giống thang - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m		1,2,3,4, 5,6,7
20	5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: <i>Bò, trườn, trèo.</i> + Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). + Bò qua các chướng ngại vật, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	* Bò, trườn, trèo - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 – 5m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m		
c) Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay mắt					
21	3,4,5	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Uốn, cuộn, ngón		* Trẻ 3, 4, 5 T - Vo, xoay, xoắn,	1,9

		tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập đan ngón tay vào nhau.		vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	
22	3,4	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi đôi. + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	* Trẻ 3 T - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Đan, tết.	* Trẻ 3, 4,5 T - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Xây dựng lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, kéo khóa, buộc dây giày, Luồn dây, khâu dây.	1,4,5,7,8
23	5	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: + Trẻ biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Trẻ biết cắt được theo đường viền của hình vẽ. + Trẻ biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. + Trẻ biết tô màu kín không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ + Trẻ biết ấn các	- Bẻ nắn - Lắp ráp. - Cắt đường vòng cung. - Đồ theo nét.		

		hình vào các vị trí cho trước ko bị nhấn +Trẻ biết tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa.			
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
a) Biết một số món ăn, sản phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe					
24	3,4,5	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...) + Trẻ biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, củ, quả	.	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc gần gũi (trứng rán, thịt xào, canh rau), món ăn đặc chung của địa phương (xôi nếp, mèn mèm...)	2,6
25	3, 4, 5	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	
26	3,4,5	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh	2,6

		chất dinh dưỡng. uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		duỡng, béo phì...).	
<i>b) Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>					
27	3, 4, 5	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. + Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. + Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.		* Trẻ 3, 4, 5T - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Tập đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng,	2,3,5
<i>c) Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>					
28	3, 4, 5	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường		* Trẻ 3,4, 5 T - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	2,6,8

29	3, 4 5	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Trẻ biết vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Trẻ biết ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... + Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi. + Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.		* Trẻ 3, 4, 5 T - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. không nhổ bậy ra lớp. - Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết vệ sinh răng miệng	3,4,8
<i>d) Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>					
30	3,4, 5	- Trẻ biết nhận ra một số vật dụng nguy hiểm như (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...). Biết các vật sắc nhọn không lên nghịch		* Trẻ 3, 4, 5 T - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3
31	3, 4,	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (hồ, ao, bể		* Trẻ 3, 4, 5 T - Nhận biết một	

	5	chứa nước, giếng nước, hồ vôi...) là nơi nguy hiểm, và nói được mối nguy hiểm khi đến gần		số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	8
32	3, 4,5	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm: + Trẻ không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt + Trẻ không tự lấy thuốc uống + Trẻ không leo trèo bàn ghế, lan can + Trẻ không nghịch các vật sắc nhọn + Trẻ không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp + Trẻ biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		* Trẻ 3, 4,5 T + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... + Không tự ý uống thuốc. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. + Không ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	2,5
33	4, 5	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn, người rơi xuống nước, ngã chảy máu.		* Trẻ 4, 5 T - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp gọi người giúp đỡ : cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu..	2, 3
34		- Trẻ biết tránh một số trường hợp không		* Trẻ 3, 4, 5 T - Biết khi	

	3, 4, 5	an toàn: + Trẻ biết khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Trẻ biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...		người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp... + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	1, 3, 7, 9
--	---------	--	--	---	------------

II. Giáo dục phát triển nhận thức

1) Khám phá khoa học

a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng

35	3	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa quả quen thuộc	* Trẻ 3, 4, 5 T - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây	
----	---	---	---	--	--

		tượng.		- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng	
36	4	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.	5,6, 8
37	5	- Trẻ biết tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa		
38	3, 4	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		* Trẻ 3, 4, 5T - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	
39	5	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	2,5,6
		- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng	.	* Trẻ 3, 4, 5T - Làm các thí	6, 8

40	3, 4, 5	công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển		thực nghiệm và giải thích các thí nghiệm. - Một số đặc điểm, tính chất của nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	
41	3, 4, 5	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.		* Trẻ 3, 4, 5T - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	5,6,8
42	3,4,5	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.		* Trẻ 3, 4, 5 T - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật,	1,3,5,6,

				cây, hoa, quả. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. .- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, theo 2 - 3 dấu hiệu	7
<i>b) Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</i>					
43	3	- Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng		
44	4	- Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”		* Trẻ 4, 5T - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Không khí, các	5,6 8

45	5	- Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.		nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Giải thích các thí nghiệm	
46	4	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn		4,7
47	5	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		
c) Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau					
48	3, 4, 5	- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		* Trẻ 3, 4, 5 T - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự giống nhau và khác nhau một số con vật, cây, hoa, quả.	1, 5,6,7
49	3, 4, 5	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt		* Trẻ 3, 4, 5 T - Thể hiện hiểu biết về đối	9

		động chơi, âm nhạc và tạo hình...		tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	
2) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
a) Nhận biết số đếm, số lượng					
50	3	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		1,3,4,5,6,7,9
51	4	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng		
52	5	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
53	3	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- 1 và nhiều.		1,3,4,5,6,7,9
54	4	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.		
55	5	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.		
56	3	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói được kết quả.		1-> 9

		khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
57	4	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả.		1-> 9
58	5	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả.		
59	3	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		* Trẻ 3, 4 T - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	3,4,5,6, 7,8,9
60	4	- Trẻ biết gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 10 đếm và nói kết quả			
61	5	- Trẻ biết gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	- Gộp các nhóm đối tượng và đếm.		
62	3	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm		* Trẻ 3, 4 T - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	3,4,5,6, 7,8,9
63	4	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn			
		- Trẻ biết tách một	- Tách một nhóm		

64	5	nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau	thành hai nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau.		
65	4	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		1,3,4,5,6,7,9
66	5	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	- Biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự		
67	4	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		* Trẻ 4, 5 T - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	3,7
68	5	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.			
b) Biết sắp xếp theo quy tắc					
69	3	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại	- So sánh 2 đối tượng về kích thước - Xếp xen kẽ.	* Trẻ 3, 4, 5 tuổi - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc	5
70	4	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại			
71	5	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu + Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp mẫu và sao chép lại	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan		
		+ Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Tạo ra qui tắc sắp xếp		

c) So sánh hai đối tượng					
72	3	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ to hơn, nhỏ hơn, dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.		4,5,6,8
73	4	- Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo		
74	5	- Trẻ nhận biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - So sánh sắp xếp chiều cao của 3 đối tượng		
d) Nhận biết hình dạng					
75	3	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	* Trẻ 4, 5 T - Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	2,3,9
76	4	- Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các		

		(tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) + Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.		2,3,9
77	5	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.		
<i>đ) Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i>					
78	3	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân		2
79	4	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).		
80	5	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.		
81	4	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo	Nhận biết các buổi: sáng, trưa,		

		trình tự thời gian trong ngày.	chiều, tối.		8
82	5	- Trẻ gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.		8
3) Khám phá xã hội					
a) Trẻ nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng					
83	3,4,5	- Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện		- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
84	3,4,5	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		* Trẻ 3, 4, 5 T - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu của gia đình.	3
85	3,4,5	- Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.		* Trẻ 3, 4, 5 T - Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.	3
86	3,4,5	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật		* Trẻ 3, 4, 5 T - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm	1

		của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		non; công việc của các cô bác trong trường.	
87	4,5	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		1
88	4	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của trường, lớp, các bạn khi được hỏi, trò chuyện	- Biết nói tên và một vài đặc điểm của trường, lớp, các bạn khi được hỏi, trò chuyện		9
89	5	Trẻ giới thiệu họ tên và đặc điểm nổi bật của trường, lớp, các bạn khi được hỏi, trò chuyện về trường Tiểu Học	Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ 5 tuổi chuẩn bị lên trường Tiểu Học		
<i>b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề phổ biến ở địa phương.</i>					
90	3,4,5	- Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, ngô, khoai, sản nghề truyền thống của địa phương .		* Trẻ 3, 4, 5 T Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương	4
<i>c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>					
91	3	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Biết kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.		1,3,4, 5,6,7
92	4	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	* Trẻ 4, 5 T - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện	
93	5	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động	- Biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật		

		nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9, tết Nguyên Đán, ngày giỗ tổ Hùng Vương, ngày Quốc tế 8/3...)”	của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9 tết Nguyên Đán, ngày giỗ tổ Hùng Vương, ngày Quốc tế 8/3...)”	văn hoá của quê hương, đất nước.	
94	3,4,5	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.		* Trẻ 3, 4, 5 T - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương, của tỉnh Điện Biên (Đài tưởng niệm, tượng đài, đồi A1, hầm Đờ Cát, nơi chỉ huy của đại tướng Võ Nguyên Giáp...)	9
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ					
1) Nghe hiểu lời nói					
95	3	- Trẻ biết thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.		3,9
96	4,5	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể vd “Các bạn có tên bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái		* Trẻ 4, 5 T - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	

		H đứng sang bên trái			
97	3	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	* Trẻ 3, 4, 5 T - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	2,3,4, 5, 6, 7
98	4	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		
99	5	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng học tập, đồ dùng gia đình, nghề nghiệp).	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.		
100	3,4	- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	* Trẻ 3, 4, 5 T - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	1, 3,8
101	5	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại			
2) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày					
102	3,4,5	- Trẻ dân tộc địa phương có khả năng sử dụng đúng từ ngữ và câu tiếng việt trong giao tiếp hàng ngày		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi -Trẻ sử dụng từ câu tiếng việt trong giao tiếp hàng ngày	1->9
103	3,4,5	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.... phù hợp		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi - Trả lời các câu hỏi về nguyên	

		với ngữ cảnh		nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.	3,8
104	3,4,5	- Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	5
105	3	- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1->9
106	4	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự về câu truyện			
107	5	- Trẻ biết miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, của nhân vật.			
108	3,4,5	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
		- Trẻ kể lại truyện	- Mô tả sự vật,		

109	3	đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	tranh ảnh có sự giúp đỡ.		1->9
110	4	- Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		
111	5	- Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như: Thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.		
112	3,4	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện		* Trẻ 3, 4 T Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	7
113	5	- Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Kể lại sự việc theo trình tự.		
114	3	- Trẻ biết Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	* Trẻ 3, 4, 5 T - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1, 3
115	4,5	- Trẻ biết Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.		
116	3	- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi.	2,8
117	4	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
118	5	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh			
c) Làm quen với việc đọc - viết					

119	3	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.		* Trẻ 3, 4, 5 T - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	4,9
120	4	- Trẻ biết chọn sách để xem	.	- Giữ gìn, bảo vệ sách	
121	5	- Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem		- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách	
122	3	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		* Trẻ 3, 4 T - Gọi tên và mô tả nhân vật trong tranh.	
123	4	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.			
124	5	- Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		- Mở xem tranh truyện qua các tranh vẽ	
125	4	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa (đọc vẹt).		- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	
126	5	- Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.	
127	3,4,5	- Trẻ nhận ra kí		- Làm quen với	7

		hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...		một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	
128	5	- Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái		1->9
129	3	- Trẻ thích vẽ, 'viết' nguệch ngoạc	-Tiếp xúc với chữ, sách truyện.		
130	4	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Nhận dạng các chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.		
131	5	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu chữ viết, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình		

IV. Giáo dục phát triển kỹ năng, tình cảm xã hội

1) Thể hiện ý thức về bản thân

132	3,4,5	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân		* Trẻ 3,4,5 tuổi - Tên, tuổi, giới tính của bản thân * Trẻ 4,5 tuổi - Sở thích, khả năng của bản thân	2,3
133	4,5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và những việc bé không thể làm được	- Họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.		
134	5	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và	- Đặc điểm bên ngoài của bản thân		

		khả năng)			
135	3, 4	Trẻ nói được tên bố, mẹ			3
136	5	- Trẻ nói được tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được tên bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ nhà hoặc điện thoại, công việc của bố mẹ,..	- Sở thích, khả năng của bản thân.	
137		- Trẻ biết mình là con, cháu, anh, chị trong gia đình.	- Vị trí của trẻ trong gia đình		
138		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố, mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.		
2) Thể hiện sự tự tin, tự lực.					
139	3,4,5	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.		- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động và trả lời câu hỏi khi có sự khuyến khích của người lớn	1->9
140	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. Tự thu dọn đồ chơi khi chơi xong.		4,9
141	5	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.		
142	3, 4,5	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Thực hiện công việc được	4

		chơi..).		giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	
3) Nhận biết và thể hiện cảm xúc với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.					
143	3,4,5	- Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, ngạc nhiên, xấu hổ qua nét mặt của chỉ giọng nói của người khác		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Giúp đỡ chia sẻ vui buồn với người khác, ứng xử với người khác khi người khác có lỗi. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc - Trẻ cảm thấy hứng thú trong các giờ học	5,7
144	3,4,5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. + Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè	- Chơi hoà thuận với bạn.	* Trẻ 3,4,5 T - Kỹ năng căng thẳng, giải tỏa căng thẳng một mình của bản thân, biết thể hiện cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. - Kiểm soát cảm xúc, thể hiện cảm xúc của trẻ phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của mình	2,6

145	3,4	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, nhận ra lăng Bác Hồ	* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Kính yêu Bác Hồ. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	9
146	5	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Trẻ biết ngày 19/5 là ngày sinh nhật Bác.	- Tình cảm của Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi	
147	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	* Trẻ 3,4, 5 T - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	9
148	4,5	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
149	3,4,5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống, lễ tết (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.		* Trẻ 3,4, 5 T - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	5,6, 8,9
4) Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội					
150	3,4,5	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công		* Trẻ 3,4, 5 Tuổi. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, sau khi	2,3,7

		cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, cô giáo muốn đi chơi phải xin phép.		chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, khi sang đường phải có người lớn dắt).	
151	3,4,5	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		* Trẻ 3,4, 5 Tuổi. - Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	1,3,6
152	3,4,5	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời người khác.	5
153	3,4,5	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn, biết chờ đến lượt.		* Trẻ 3,4,5 T - Chơi hòa thuận, quan tâm chia sẻ với bạn. - Chờ đến lượt, hợp tác giúp đỡ. Thực hiện các quy định nơi công cộng, biết xếp hàng chờ đến lượt.	5
154	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo	- Lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi,	* Trẻ 4, 5 T - Trẻ biết tìm cách để giải	

		nhóm nhỏ.	thoả thuận - Chơi hoà thuận với bạn	quyết mâu thuần (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - <i>Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn</i>	3,4,7
155	4,5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			
156	5	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu” - <i>Kỹ năng tư duy phản biện</i>		7
5) Quan tâm đến môi trường					
157	3,4,5	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.		* Trẻ 3,4,5 T - Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
158	3,4,5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		* Trẻ 3, 4,5 T - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. - Giữ gìn,vệ sinh môi trường	5,8
159	4,5	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi bẻ cành hái hoa...)		* Trẻ 4, 5 T - Nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường, lớp (không xả rác bừa bãi bẻ cành hái hoa...)	1,6
160	4,5	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá		* Trẻ 4, 5 T - Tiết kiệm điện, nước.. - <i>Phòng chống</i>	

		vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.		<i>đuổi nước, trẻ ăn hết suất, không làm rơi vãi thức ăn.</i>	8
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ					
<i>1) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.</i>					
161	3,4	- Trẻ vui sướng, biết vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng		* Trẻ 3, 4 T - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	1,3 7,9
162	5	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt trước âm thanh, dáng điệ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		
163	3,4	- Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và		* Trẻ 3, 4 T - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc	2,4,6,7, 8, 9

		kể câu chuyện.		thái, tình cảm của bài hát.	
164	5	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).		
165	3,4,5	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	2,3,5, 9
2) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình					
166	3	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.		1->9
167	4	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt,		* Trẻ 4, 5 Tuổi. - Hát đúng giai điệu, lời ca và	

		điệu bộ ...		thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
168	5	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ....			
169	3	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.		3,5
170	4,5	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo tiết tấu, múa).		* Trẻ 4, 5T - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
171	3,4,5	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.		* Trẻ 3, 4, 5T - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. (Steam, EDP)	3,7,8,9
172	3,4,5	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	1,2,3,4,5,6,9

173	3,4,5	- Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		*Trẻ 3, 4, 5T - Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Xé: Xé dải, xé vụn, xé mảng, xé theo đường bao. - Dán: Kỹ năng lấy/phết hồ, đặt đúng vị trí và miết. - Cắt: Cắt theo đường thẳng, đường cong.	2,6,7
174	3,4,5	- Trẻ Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. + Nặn: Xoay tròn, lăn dọc, ấn bẹt, làm lõm, uốn cong, véo, vuốt, ấn bằng bàn tay.	1,4,5
175	3,4,5	- Trẻ Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		* Trẻ 3, 4, 5T Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố	2,6,7

				cục.	
176	3,4,5	- Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1-> 9
3) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)					
177	3,4	- Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		* Trẻ 3, 4 T - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc	3,5
178	5	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).		
179	4,5	Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát		Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	1->9
180	3	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tạo ra các sản phẩm tạo hình đơn giản theo ý thích.	* Trẻ 4, 5T - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	
181	4,5	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích		- Nói lên ý tưởng tạo hình	4

				của mình	
182	3,4,5	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		* Trẻ 3, 4, 5 Tuổi. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	2,3,4,7,8,9

NGƯỜI LẬP

**PHÊ DUYỆT CỦA BGH
HIỆU TRƯỞNG**